



VĂN BẢN HỢP NHẤT
Số: 165/2026/VBHN-LQ-VPQH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

LUẬT
XUẤT BẢN

Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019;
2. Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026;
3. Luật số 17/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Luật Xuất bản¹.

¹ Luật số 35/2018/QH14 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch của Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12, Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13, Luật Đường sắt số 06/2017/QH14, Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 48/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13, Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật Đất đai số 45/2013/QH13, Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12, Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13, Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, Luật Đề điều số 79/2006/QH11, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12, Luật Đo lường số 04/2011/QH13, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, Luật Xuất bản số 19/2012/QH13, Luật Báo chí số 103/2016/QH13, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật Hải quan số 54/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 71/2014/QH13, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2010/QH12, Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2009/QH12, Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh²

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động xuất bản; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến hoạt động xuất bản; quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

Hoạt động xuất bản bao gồm các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.

Điều 2.³ (được bãi bỏ)

Điều 3. Vị trí, mục đích và nguyên tắc của hoạt động xuất bản⁴

1. Hoạt động xuất bản thuộc lĩnh vực văn hóa, tư tưởng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân; đồng thời là ngành kinh tế - công nghệ, bộ phận quan trọng của công nghiệp văn hóa và hạ tầng tri thức quốc gia.

2. Hoạt động xuất bản nhằm tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến, giới thiệu tri thức, nâng cao dân trí; giữ gìn tiếng nói, chữ viết; bảo tồn và phát huy bản sắc, giá trị văn hóa, giá trị con người Việt Nam; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nâng cao vị thế văn hóa dân tộc; góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và chủ quyền quốc gia.

sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 77/2015/QH13, Luật Dầu khí năm 1993 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2000/QH10 và Luật số 10/2008/QH12, Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 92/2015/QH13, Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13, Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12, Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12.”

Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Quy hoạch.”

Luật số 17/2026/QH16 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 112/2025/QH15.”

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm g khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

3. Đảng và Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong định hướng và kiến tạo phát triển hoạt động xuất bản, xây dựng nền xuất bản chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; Nhà nước ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, thúc đẩy hợp tác công tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, khuyến khích, thu hút, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển hoạt động xuất bản, phát triển văn hóa đọc.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất bản có trách nhiệm tuân thủ pháp luật; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; thực hiện chính sách của Nhà nước, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Giải thích từ ngữ⁵

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Xuất bản* là quá trình do nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản thực hiện nhằm tạo thành bản mẫu để in xuất bản phẩm hoặc tạo lập xuất bản phẩm điện tử, bao gồm các công đoạn sau đây:

a) Khai thác và tổ chức bản thảo là việc tìm kiếm, tạo lập, tiếp nhận, lựa chọn, đặt hàng, nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc quản lý và hoàn thiện bản thảo nhằm chuẩn bị cho quá trình xuất bản;

b) Biên tập là việc thẩm định, chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung, hình thức bản thảo, bảo đảm chất lượng, tính chính xác và tuân thủ quy định của pháp luật;

c) Thiết kế và chế bản là việc trình bày, thiết kế mỹ thuật, kỹ thuật để tạo thành bản mẫu để in xuất bản phẩm hoặc tệp xuất bản phẩm điện tử;

d) Quyết định xuất bản là văn bản của người có thẩm quyền của nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phê duyệt bản mẫu để làm căn cứ in xuất bản phẩm hoặc tạo lập xuất bản phẩm điện tử.

2. *Nhà xuất bản* là tổ chức được thành lập theo quy định của Luật này, có chức năng thực hiện việc xuất bản xuất bản phẩm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, chất lượng và tính hợp pháp của xuất bản phẩm do mình xuất bản.

3. *Bản thảo* là bản viết tay, đánh máy hoặc dữ liệu số của một tác phẩm, tài liệu để xuất bản.

4. *Bản mẫu* là bản hoàn chỉnh của tác phẩm, tài liệu sau khi được biên tập, được phê duyệt bằng quyết định xuất bản và làm căn cứ để in xuất bản phẩm hoặc tạo lập xuất bản phẩm điện tử.

5. *Xuất bản phẩm* là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học,

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tại Việt Nam hoặc được nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của Luật này; được thể hiện bằng ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh hoặc kết hợp các hình thức này, bao gồm:

a) Xuất bản phẩm in được thể hiện dưới dạng vật chất, gồm sách in, sách chữ nổi, tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp, các loại lịch;

b) Xuất bản phẩm điện tử được tạo lập trực tiếp dưới dạng dữ liệu số hoặc được số hóa từ xuất bản phẩm in, sử dụng thông qua phương tiện điện tử, gồm sách điện tử (sách chữ, sách nói, sách kết hợp văn bản, âm thanh, hình ảnh, video và các yếu tố đa phương tiện) và các hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

6. *Lưu chiếu* là việc tiếp nhận và lưu giữ xuất bản phẩm in hoặc tệp điện tử của xuất bản phẩm điện tử để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước.

7. *In xuất bản phẩm* là việc sử dụng thiết bị trong các công đoạn chế bản, in và gia công sau in để tạo ra xuất bản phẩm từ bản mẫu.

8. Cơ sở in xuất bản phẩm (sau đây gọi là cơ sở in) là tổ chức, đơn vị thực hiện toàn bộ hoặc từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm.

9. *Phát hành xuất bản phẩm* là việc đưa xuất bản phẩm đến người sử dụng theo một hoặc nhiều hình thức bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu, tham gia hội chợ, phân phối qua đại lý, ký gửi hoặc hình thức khác nhằm mục đích kinh doanh (sau đây gọi là kinh doanh phát hành xuất bản phẩm); phân phát, tặng cho, cho mượn, triển lãm, lưu hành nội bộ, viện trợ, tặng kèm không thu tiền và các hình thức khác không nhằm mục đích kinh doanh (sau đây gọi là phát hành xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

10. *Cơ sở kinh doanh phát hành xuất bản phẩm* (sau đây gọi là cơ sở phát hành) là tổ chức, đơn vị thực hiện một hoặc nhiều hình thức kinh doanh xuất bản phẩm quy định tại khoản 9 Điều này.

11. *Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm* là tổ chức, đơn vị cung cấp nền tảng số theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử để kết nối hoặc hỗ trợ giao dịch giữa cơ sở phát hành, cá nhân kinh doanh xuất bản phẩm với người sử dụng dịch vụ.

12. *Cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm* (sau đây gọi là cơ sở nhập khẩu) là tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.

13. *Người đứng đầu cơ sở in, cơ sở phát hành* là người đại diện theo pháp luật và trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở.

14. *Biên tập viên* là người làm công tác biên tập tại nhà xuất bản.

15. *Sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng*

là tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân tạo lập có hình thức thể hiện tương tự xuất bản phẩm điện tử quy định tại điểm b khoản 5 Điều này để phổ biến đến công chúng mà không thực hiện xuất bản, phát hành, nhập khẩu theo quy định của Luật này.

Sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng không bao gồm sản phẩm báo chí, tác phẩm điện ảnh, sản phẩm quảng cáo, chương trình phát thanh, truyền hình và các loại thông tin khác theo quy định của pháp luật.

16. *In nổi bản trái phép xuất bản phẩm* là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in để in thêm xuất bản phẩm vượt quá số lượng được phép theo văn bản xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản, quyết định xuất bản, giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh, giấy phép in xuất khẩu theo quy định của Luật này.

17. *In lậu xuất bản phẩm* là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in để in xuất bản phẩm đã được xuất bản hợp pháp khi không có một trong các giấy tờ quy định tại khoản 16 Điều này hoặc không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

18. *In giả xuất bản phẩm* là hành vi sử dụng bản thảo tác phẩm hoặc tài liệu để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in, gia công sau in, tạo ra sản phẩm có hình thức và nội dung gây nhầm lẫn là xuất bản phẩm theo quy định của Luật này.

Điều 5. Bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm, bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan

1. Nhà nước bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm thông qua nhà xuất bản và bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản.

3. Không một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được lợi dụng quyền phổ biến tác phẩm làm thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản⁶

1. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản bao gồm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ chung về quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý việc đăng ký kế hoạch xuất bản; cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập, giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; cấp, điều chỉnh văn bản xác nhận đăng ký;

c) Quản lý xuất bản phẩm lưu chiểu; quyết định việc buộc sửa chữa mới được phát hành, đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy xuất bản phẩm vi phạm theo quy định của pháp luật;

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

d) Xây dựng, quản lý, vận hành và kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật; bảo đảm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và thủ tục trong hoạt động xuất bản bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

đ) Tổ chức phối hợp liên ngành trong phòng, chống in nổi bản trái phép, in lậu, in giả xuất bản phẩm, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; quản lý xuất bản phẩm liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển thị trường xuất bản, phát triển văn hóa đọc, quảng bá xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý, hướng dẫn hoạt động của các hội, hiệp hội trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành theo quy định của pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người làm công tác xuất bản theo quy định của pháp luật;

h) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động xuất bản, phổ biến sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trong phạm vi cả nước. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo thẩm quyền.

Điều 7. Chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động xuất bản⁷

1. Miễn, giảm thuế, tiền thuê đất, thuê bất động sản là tài sản công đối với nhà xuất bản theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng và phát triển các cơ quan xuất bản, truyền thông chủ lực quốc gia và hình thành các tập đoàn xuất bản, truyền thông đa nền tảng, đa sản phẩm.

3. Đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước, chuyển đổi số và phát triển thị trường xuất bản; đầu tư phát triển xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; ưu tiên, bố trí quỹ đất cho hoạt động xuất bản.

4. Đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu để xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm và mua, hỗ trợ chi phí vận chuyển xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh, thông tin đối ngoại, ứng phó tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ trọng yếu khác của đất nước; xuất bản phẩm phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số (tiếng Việt và tiếng dân tộc), miền núi, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xuất bản

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

phẩm dành cho trẻ em, người khuyết tật nhìn và các đối tượng yếu thể khác theo quy định của pháp luật.

5. Ưu đãi thuế, tín dụng đối với cơ sở in đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa thiết bị, ứng dụng công nghệ xanh, kinh tế tuần hoàn; đối với cơ sở phát hành và doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng số, mạng lưới phân phối xuất bản phẩm phục vụ các đối tượng, địa bàn quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Hỗ trợ nhà xuất bản mua bản quyền, dịch thuật, biên soạn, xuất bản, phát hành xuất bản phẩm có giá trị phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, hội nhập quốc tế; hỗ trợ xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và nâng cao khả năng tiếp cận, khai thác và sử dụng xuất bản phẩm điện tử; hỗ trợ xúc tiến thương mại, truyền thông, quảng bá xuất bản phẩm trong nước và ra nước ngoài.

7. Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm; thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển hoạt động xuất bản; khuyến khích liên kết giữa cơ sở đào tạo với nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành trong đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực.

8. Khuyến khích phát triển không gian đọc, thư viện, tủ sách và các mô hình đọc trong cộng đồng, trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhà trường; ứng dụng công nghệ số phục vụ tiếp cận xuất bản phẩm, huy động các nguồn lực để đầu tư, tài trợ phát triển văn hóa đọc theo quy định của pháp luật; tôn vinh, khen thưởng tổ chức, đơn vị, cá nhân có đóng góp trong hoạt động xuất bản và phát triển văn hóa đọc; trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị.

9. Thu hút các nguồn lực xã hội tham gia hoạt động xuất bản; tăng cường hợp tác đầu tư theo phương thức đối tác công tư giữa nhà xuất bản với cơ sở in, cơ sở phát hành và các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

10. Phát huy vai trò của hội, hiệp hội trong lĩnh vực xuất bản, in, phát hành, thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật; góp ý, phản biện chính sách trong xây dựng pháp luật; phát triển văn hóa đọc, phát triển thị trường xuất bản và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

1. Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (bao gồm doanh nghiệp, tổ chức được thành lập tại nước ngoài hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực trong đó có xuất bản, phát hành xuất bản phẩm) được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh⁸ cấp giấy phép.

⁸ Cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại điểm a khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện thành lập và nội dung hoạt động, thủ tục cấp,⁹ cấp lại¹⁰ giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài.

Điều 9.¹¹ (được bãi bỏ)

Điều 10. Những nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản

1. Nghiêm cấm việc xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm có nội dung sau đây:

a) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

b) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và Nhân dân các nước; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

c) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

d) Xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

2.¹² Nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây:

a) Xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm hoặc đăng, phát sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng có nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

b) Xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành hoặc phát tán trên không gian mạng xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy, nhập khẩu trái phép;

c) In nổi bản trái phép xuất bản phẩm; in lậu xuất bản phẩm; in giả xuất bản phẩm;

d) Tàng trữ để phát hành hoặc phát hành xuất bản phẩm do in nổi bản trái phép, in lậu, in giả;

⁹ Cụm từ “cấp đổi,” được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

¹⁰ Cụm từ “, gia hạn” được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

¹¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm g khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

¹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

đ) Phát hành bản in sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng, trừ trường hợp in để phục vụ nghiên cứu hoặc mục đích khác theo quy định của pháp luật;

e) Lợi dụng trí tuệ nhân tạo để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản;

g) Đăng, phát sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng dưới dạng sách;

h) Đe dọa tính mạng, sức khỏe, uy hiếp tinh thần; xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm hoặc cản trở trái pháp luật hoạt động nghề nghiệp của biên tập viên, người làm công tác xuất bản.

Điều 11.¹³ (được bãi bỏ)

Chương II

LĨNH VỰC XUẤT BẢN

Điều 12. Đối tượng thành lập và loại hình tổ chức nhà xuất bản¹⁴

1. Cơ quan, tổ chức sau đây được thành lập nhà xuất bản (sau đây gọi là cơ quan chủ quản nhà xuất bản):

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức chính trị ở trung ương và cấp tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cấp tỉnh.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thành lập nhà xuất bản thì cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thành lập nhà xuất bản;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập ở trung ương; hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương trực tiếp sáng tạo tác phẩm, tài liệu khoa học, học thuật;

c) Cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ.

2. Nhà xuất bản tổ chức và hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 13. Điều kiện thành lập nhà xuất bản

Việc thành lập nhà xuất bản phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản;

2. Có người đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 17 của Luật này để bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập và có ít nhất năm biên tập viên cơ hữu;

¹³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm g khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

¹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

3. Có trụ sở, nguồn tài chính và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm hoạt động của nhà xuất bản do Chính phủ quy định;

4.¹⁵ Phù hợp với chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động xuất bản.

Điều 14. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép thành lập, đình chỉ hoạt động xuất bản của nhà xuất bản¹⁶

1. Trước khi thành lập nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 12 của Luật này lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản thuộc cơ quan, tổ chức mình.

2. Cơ quan chủ quản nhà xuất bản đã được cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản phải đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại giấy phép thành lập nhà xuất bản khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi tên, tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, loại hình tổ chức;

b) Thay đổi cơ quan chủ quản hoặc tên cơ quan chủ quản mà không thay đổi tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ;

c) Giấy phép thành lập nhà xuất bản bị mất, bị hư hỏng.

3. Nhà xuất bản bị đình chỉ hoạt động xuất bản có thời hạn khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Sau khi thành lập và trong quá trình hoạt động, nhà xuất bản không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 13 của Luật này;

b) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép thành lập nhà xuất bản gây phương hại quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc lợi ích công cộng mà chưa đến mức bị thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản quy định tại điểm d khoản 4 Điều này;

c) Vi phạm quy định của Luật này mà bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ hoạt động.

4. Giấy phép thành lập nhà xuất bản bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động xuất bản mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ;

b) Cơ quan chủ quản nhà xuất bản không ra quyết định thành lập nhà xuất bản trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập;

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật số 35/2018/QH14, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

¹⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

c) Trong thời hạn 12 tháng liên tục nhà xuất bản không có xuất bản phẩm nộp lưu chiểu;

d) Nhà xuất bản không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 13 của Luật này và không có khả năng khắc phục hoặc gây hậu quả nghiêm trọng;

đ) Sau khi nhà xuất bản bị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản hoặc cơ quan chủ quản nhà xuất bản đề nghị chấm dứt hoạt động.

5. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép thành lập; trình tự, thủ tục, thời hạn đình chỉ hoạt động xuất bản của nhà xuất bản.

Điều 15.¹⁷ (được bãi bỏ)

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản nhà xuất bản

1. Bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 13 của Luật này.

2.¹⁸ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản.

Việc bổ nhiệm đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của Chính phủ.

3.¹⁹ Định hướng hoạt động của nhà xuất bản; phê duyệt kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Luật này.

4. Chỉ đạo việc thực hiện tôn chỉ, mục đích, phương hướng hoạt động của nhà xuất bản; giám sát nhà xuất bản thực hiện đúng giấy phép thành lập nhà xuất bản.

5. Thanh tra, kiểm tra hoạt động của nhà xuất bản theo thẩm quyền.

6. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của nhà xuất bản trong hoạt động xuất bản theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 17. Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo nhà xuất bản²⁰

1. Tiêu chuẩn đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc được quy định như sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;

¹⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm g khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

¹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

¹⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

²⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về chính trị, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ và của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tiêu chuẩn đối với tổng biên tập, phó tổng biên tập được quy định như sau:

a) Có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có chứng chỉ hành nghề biên tập.

3. Đối với nhà xuất bản được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, mà có chức danh chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty thì chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty đồng thời là tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản theo quy định của Luật này.

Trường hợp cần bổ trí chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty không đồng thời là tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản thì cơ quan chủ quản nhà xuất bản báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền trước khi quyết định.

4. Người đứng đầu cơ quan chủ quản nhà xuất bản không được kiêm giữ chức vụ tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản; lãnh đạo nhà xuất bản này không được kiêm giữ chức vụ lãnh đạo nhà xuất bản khác, trừ trường hợp có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền.

5. Trường hợp nhà xuất bản được thành lập theo quy định của Luật này hoặc được sắp xếp, tổ chức lại mà có chức năng xuất bản tạp chí thì tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về báo chí và đồng thời là tổng biên tập tạp chí.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản

1. Tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Điều hành hoạt động của nhà xuất bản đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ ghi trong giấy phép và quyết định thành lập nhà xuất bản;

b) Xây dựng bộ máy tổ chức và nhân lực của nhà xuất bản;

c) Tổ chức thực hiện việc đăng ký kế hoạch xuất bản²¹ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch²² theo quy định tại Điều 22 của Luật này;

d) Tổ chức thẩm định tác phẩm, tài liệu quy định tại Điều 24 của Luật này và tác phẩm, tài liệu khác khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản;

²¹ Cụm từ “đăng ký xuất bản” được thay thế bởi cụm từ “đăng ký kế hoạch xuất bản” theo quy định tại điểm b khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

²² Cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” theo quy định tại điểm c khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

đ) Ký hợp đồng liên kết xuất bản quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23²³ của Luật này trước khi ký quyết định xuất bản;

e) Ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh trước khi đưa in;

g) Ký quyết định xuất bản đối với từng xuất bản phẩm đúng với văn bản xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản²⁴, kể cả việc in tăng số lượng;

h) Ký quyết định phát hành xuất bản phẩm;

i) Định giá, điều chỉnh giá bán lẻ xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức việc lưu trữ hồ sơ biên tập bản thảo và tài liệu có liên quan của từng xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

l) Thực hiện việc sửa chữa, đình chỉ phát hành, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

m) Thực hiện việc báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản;

n) Bảo đảm không để lộ, lọt nội dung tác phẩm, tài liệu xuất bản trước khi phát hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả;

o) Quản lý tài sản và cơ sở vật chất của nhà xuất bản;

p) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan chủ quản về xuất bản phẩm và mọi hoạt động của nhà xuất bản.

2. Tổng biên tập nhà xuất bản có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Giúp tổng giám đốc (giám đốc) chỉ đạo việc tổ chức bản thảo;

b) Tổ chức biên tập bản thảo;

c) Đọc và ký duyệt đối với từng bản thảo để trình tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản ký quyết định xuất bản;

d) Không được để lộ, lọt nội dung tác phẩm, tài liệu xuất bản trước khi phát hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả;

đ) Chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản và trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm của nhà xuất bản.

Điều 19. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của biên tập viên

1. Tiêu chuẩn của biên tập viên:

a) Là công dân Việt Nam; thường trú tại Việt Nam; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

²³ Cụm từ “điểm b khoản 3 Điều 23” được thay thế bởi cụm từ “điểm đ khoản 1 Điều 23” theo quy định tại điểm d khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

²⁴ Cụm từ “giấy xác nhận đăng ký xuất bản” được thay thế bởi cụm từ “văn bản xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản” theo quy định tại điểm đ khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

- b) Có trình độ đại học trở lên;
- c) Hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch²⁵;
- d) Có chứng chỉ hành nghề biên tập do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch²⁶ cấp.

2. Biên tập viên có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- a) Thực hiện biên tập bản thảo;
- b) Được từ chối biên tập bản thảo tác phẩm, tài liệu mà nội dung có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này và phải báo cáo với tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản bằng văn bản;
- c) Đứng tên trên xuất bản phẩm do mình biên tập;
- d) Tham gia các lớp tập huấn định kỳ kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tổ chức;
- đ) Không được để lộ, lọt nội dung tác phẩm, tài liệu xuất bản trước khi phát hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả;
- e) Chịu trách nhiệm trước tổng biên tập nhà xuất bản và trước pháp luật về phần nội dung xuất bản phẩm do mình biên tập.

Điều 20. Cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập²⁷

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp chứng chỉ hành nghề biên tập cho người thực hiện công tác biên tập, có đủ tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 19 của Luật này; trường hợp không cấp chứng chỉ phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Chứng chỉ hành nghề biên tập bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Biên tập viên có xuất bản phẩm do mình biên tập bị cơ quan có thẩm quyền cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu hủy;
- b) Biên tập viên trong 01 năm có hai xuất bản phẩm hoặc trong 02 năm liên tục có xuất bản phẩm do mình biên tập sai phạm về nội dung mà bị cơ quan có thẩm quyền buộc phải sửa chữa mới được phát hành;
- c) Biên tập viên không trực tiếp thực hiện công tác biên tập trong 36 tháng liên tiếp;

²⁵ Cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” theo quy định tại điểm c khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

²⁶ Cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” theo quy định tại điểm c khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

²⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

d) Biên tập viên bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án.

3. Biên tập viên có chứng chỉ hành nghề biên tập bị thu hồi thì sau 02 năm mới được xét cấp lại, trừ trường hợp biên tập viên bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội khác rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

4. Biên tập viên được cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng;

b) Chuyển công tác đến làm biên tập viên tại nhà xuất bản khác;

c) Hoàn thành khóa bồi dưỡng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 của Luật này sau khi hết thời hạn bị thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập.

5. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại và thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập.

Điều 21. Quyền tác giả trong lĩnh vực xuất bản²⁸

Việc xuất bản tác phẩm, tài liệu và tái bản xuất bản phẩm chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp ngoại lệ, giới hạn quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 22. Đăng ký kế hoạch xuất bản²⁹

1. Trước khi xuất bản tác phẩm, tài liệu hoặc tái bản xuất bản phẩm, nhà xuất bản phải đăng ký kế hoạch xuất bản với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nội dung đăng ký kế hoạch xuất bản phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản và định hướng của cơ quan chủ quản nhà xuất bản quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật này.

2. Đối với tác phẩm, tài liệu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Luật này, trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản, nhà xuất bản phải tổ chức thẩm định bản thảo và gửi kèm kế hoạch xuất bản trình cơ quan chủ quản nhà xuất bản.

3. Cơ quan chủ quản nhà xuất bản có trách nhiệm xem xét, đánh giá kết quả thẩm định bản thảo do nhà xuất bản thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này, bảo đảm phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, định hướng hoạt động của nhà xuất bản và phê duyệt kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản. Văn bản xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản là căn cứ để nhà xuất bản ra quyết định xuất bản và có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 của năm xác nhận đăng ký.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

²⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

²⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Điều 23. Liên kết của nhà xuất bản³⁰

1. Việc liên kết xuất bản được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân tham gia liên kết với nhà xuất bản gồm chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, tổ chức, cá nhân có tác phẩm, tài liệu hợp pháp để xuất bản đối với từng xuất bản phẩm;

b) Nội dung, hình thức liên kết bao gồm khai thác bản thảo, đầu tư kinh phí, cung cấp dịch vụ biên tập bản thảo và các hoạt động khác phục vụ việc tạo lập và hoàn thiện bản thảo trước khi xuất bản theo quy định của pháp luật;

c) Nhà xuất bản trực tiếp tổ chức biên tập hoàn chỉnh bản thảo; việc biên tập và quyết định nội dung xuất bản phẩm phải được thực hiện độc lập, khách quan, tuân thủ quy định của Luật này; không được chuyển giao quyền quyết định nội dung xuất bản phẩm dưới bất kỳ hình thức nào và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm;

d) Đối tác liên kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sử dụng tác phẩm, tài liệu, quyền tác giả, quyền liên quan và việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong sáng tạo, hoàn thiện tác phẩm, tài liệu do mình cung cấp để liên kết xuất bản; không được sửa đổi nội dung bản mẫu đã được nhà xuất bản phê duyệt; phối hợp thực hiện việc sửa chữa xuất bản phẩm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà xuất bản; trường hợp xuất bản phẩm liên kết có nội dung vi phạm, đối tác liên kết chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và nghĩa vụ đã xác định trong hợp đồng liên kết;

đ) Việc liên kết phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản; hợp đồng phải xác định rõ nội dung, phạm vi liên kết, quyền và nghĩa vụ, phạm vi trách nhiệm của các bên tham gia hoạt động liên kết xuất bản; trường hợp liên kết xuất bản nhiều xuất bản phẩm với cùng một đối tác thì có thể giao kết trong một hợp đồng.

2. Việc liên kết in xuất bản phẩm; liên kết phát hành xuất bản phẩm, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân tham gia liên kết với nhà xuất bản gồm cơ sở in, cơ sở phát hành, cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, nền tảng số và các dịch vụ kỹ thuật khác;

b) Nội dung, hình thức liên kết bao gồm chế bản, in, gia công sau in, phát hành xuất bản phẩm, phát hành xuất bản phẩm điện tử, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành, cung cấp hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, nền tảng số và các dịch vụ kỹ thuật khác;

c) Nhà xuất bản chịu trách nhiệm về nội dung xuất bản phẩm; quyết định

³⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

việc phát hành xuất bản phẩm theo quy định của Luật này; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung liên kết theo hợp đồng đã ký kết;

d) Đối tác liên kết thực hiện đúng nội dung xuất bản phẩm đã được nhà xuất bản duyệt để in hoặc phát hành trên môi trường điện tử; chịu trách nhiệm về chất lượng, tính hợp pháp, an toàn của dịch vụ, công nghệ, hạ tầng, dữ liệu và các hoạt động thuộc phạm vi được giao;

đ) Các bên có trách nhiệm phối hợp đình chỉ phát hành, gỡ bỏ, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà xuất bản.

3. Việc liên kết phát triển hệ sinh thái xuất bản được quy định như sau:

a) Nhà xuất bản được liên kết với tổ chức, cá nhân để phát triển hệ sinh thái xuất bản trên cơ sở khai thác hợp pháp xuất bản phẩm, nội dung, quyền và các giá trị được hình thành từ xuất bản phẩm;

b) Hệ sinh thái xuất bản gồm các hoạt động liên kết trong sáng tạo, phát triển nội dung; xác lập, quản lý, bảo vệ và khai thác quyền tác giả, quyền liên quan và các quyền sở hữu trí tuệ khác; xuất bản, in, phát hành; ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, quản trị và khai thác dữ liệu; truyền thông, quảng bá, xúc tiến thương mại; chuyển thể, phát triển và khai thác nội dung, hình ảnh, nhân vật và các tài sản trí tuệ từ xuất bản phẩm; cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến xuất bản phẩm; phát triển thị trường, văn hóa đọc và các hoạt động khác nhằm phát triển, khai thác, gia tăng giá trị của xuất bản phẩm;

c) Nhà xuất bản chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm do mình xuất bản; bảo đảm quyền khai thác, sử dụng, chuyển giao quyền đối với xuất bản phẩm trong phạm vi liên kết theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với chủ thể quyền; việc liên kết phát triển hệ sinh thái xuất bản không làm thay đổi trách nhiệm của nhà xuất bản đối với hoạt động xuất bản và xuất bản phẩm theo quy định của Luật này;

d) Tổ chức, cá nhân tham gia liên kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ do mình tạo ra trên cơ sở khai thác, sử dụng, chuyển thể hoặc phát triển từ xuất bản phẩm trong phạm vi quyền được chuyển giao;

đ) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên; quyền sở hữu, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu và quyền đối với sản phẩm, dịch vụ, tài sản và các giá trị hình thành từ hoạt động liên kết được xác định theo thỏa thuận và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Hoạt động liên kết quy định tại Điều này phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia liên kết, quyền và

lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và người sử dụng xuất bản phẩm;

c) Bảo đảm công khai, minh bạch về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia liên kết;

d) Không làm ảnh hưởng đến quyền quyết định nội dung xuất bản phẩm và trách nhiệm của nhà xuất bản theo quy định của Luật này;

đ) Không được thu thập, xử lý hoặc sử dụng dữ liệu trái với quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và an ninh mạng để phát triển, huấn luyện, kiểm thử hoặc vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo trong hoạt động xuất bản;

e) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an toàn dữ liệu và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 24. Tác phẩm, tài liệu phải thẩm định nội dung trước khi xuất bản, tái bản³¹

1. Tác phẩm, tài liệu có nội dung về lịch sử cách mạng, chủ quyền, an ninh quốc gia, lãnh tụ, lãnh đạo đất nước, anh hùng dân tộc thuộc danh mục theo quy định của Chính phủ thì nhà xuất bản phải tổ chức thẩm định bản thảo trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản.

2. Tác phẩm, tài liệu sau đây nếu nội dung có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này thì nhà xuất bản phải tổ chức thẩm định trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản để tái bản:

a) Tác phẩm, tài liệu xuất bản trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945; tác phẩm, tài liệu xuất bản từ năm 1945 đến năm 1954 trong vùng bị tạm chiếm;

b) Tác phẩm, tài liệu xuất bản từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 ở miền Nam Việt Nam không do Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cho phép;

c) Tác phẩm, tài liệu xuất bản ở nước ngoài.

3. Việc thẩm định tác phẩm, tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đáp ứng yêu cầu chuyên môn theo tính chất, nội dung của bản thảo; bảo đảm xem xét đầy đủ các vấn đề cần thẩm định, có căn cứ đánh giá và kết luận rõ ràng làm cơ sở cho việc đăng ký kế hoạch xuất bản.

Điều 25. Xuất bản tài liệu không kinh doanh³²

1. Cơ quan, tổ chức xuất bản tài liệu không kinh doanh sau đây nếu không thực hiện thông qua nhà xuất bản thì phải có giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp

³¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

³² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

tỉnh nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:

- a) Tài liệu tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phục vụ các sự kiện chính trị, lễ kỷ niệm của đất nước, địa phương;
- b) Tài liệu hướng dẫn phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ môi trường;
- c) Tài liệu giới thiệu hoạt động, kỷ yếu hội nghị, hội thảo của các cơ quan, tổ chức Việt Nam, cơ quan, tổ chức nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- d) Tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương;
- đ) Các tài liệu khác do Chính phủ quy định.

2. Cơ quan, tổ chức xuất bản tài liệu không kinh doanh phải nộp phí thẩm định nội dung tài liệu xuất bản phẩm không kinh doanh theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh có thời hạn đến hết ngày 31 tháng 12 của năm được cấp.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cấp tỉnh khi xuất bản các tài liệu không kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này có nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì không phải có giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều này và không phải nộp phí thẩm định nội dung tài liệu xuất bản phẩm không kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều này, nhưng phải ban hành quyết định xuất bản, lưu giữ bản mẫu tài liệu được xuất bản ít nhất 24 tháng kể từ thời điểm ban hành quyết định xuất bản và chịu trách nhiệm về nội dung tài liệu đó.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 26. Xuất bản tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Việc xuất bản tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài để kinh doanh tại Việt Nam phải được nhà xuất bản Việt Nam thực hiện.

2. Việc xuất bản tài liệu không kinh doanh của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam không thực hiện qua nhà xuất bản Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Luật này.

Điều 27. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm³³

1. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

- a) Bảo đảm nhận diện xuất bản phẩm và xác định tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm;
- b) Chính xác, trung thực, phù hợp với loại hình và nội dung của xuất bản phẩm;
- c) Bảo đảm phục vụ quản lý nhà nước, lưu chiếu, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

³³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

d) Bảo đảm khả năng hiển thị, tiếp cận, khai thác và quản lý trên môi trường số đối với xuất bản phẩm điện tử;

đ) Xuất bản phẩm có nội dung được tạo lập toàn bộ hoặc một phần bằng hệ thống trí tuệ nhân tạo phải được thông báo, gắn nhãn và không làm thay đổi trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với xuất bản phẩm theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quy định thông tin ghi trên xuất bản phẩm.

Điều 28. Nộp và quản lý xuất bản phẩm lưu chiều, nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam³⁴

1. Nộp lưu chiều là việc nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản chuyển xuất bản phẩm hoặc tệp xuất bản phẩm điện tử đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật này để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

2. Việc nộp xuất bản phẩm lưu chiều được thực hiện như sau:

a) Nhà xuất bản phải nộp lưu chiều cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành;

b) Cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật này phải nộp lưu chiều cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép trước khi phát hành.

3. Xuất bản phẩm được nộp lưu chiều theo các phương thức sau đây:

a) Đối với xuất bản phẩm in, nộp bản in theo số lượng quy định;

b) Đối với xuất bản phẩm điện tử, nộp tệp điện tử thông qua hệ thống lưu chiều điện tử.

4. Hết thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành nộp lưu chiều, nhà xuất bản được quyết định phát hành xuất bản phẩm trong thời hạn 12 tháng; trường hợp quá thời hạn 12 tháng mà không quyết định phát hành xuất bản phẩm thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhận lưu chiều.

Đối với xuất bản phẩm thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này thì chỉ được quyết định phát hành sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức quản lý xuất bản phẩm lưu chiều và thực hiện theo quy định sau đây:

a) Lựa chọn xuất bản phẩm lưu chiều để tổ chức đọc, kiểm tra, thẩm định và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Khi phát hiện xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm, tổ chức đọc, kiểm tra, thẩm định và xử lý theo quy định của pháp luật;

³⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

c) Tổ chức thẩm định và cho ý kiến trước khi phát hành đối với xuất bản phẩm thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này, trừ trường hợp được miễn thẩm định do Chính phủ quy định.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đọc, kiểm tra tài liệu không kinh doanh nộp lưu chiểu thuộc thẩm quyền cấp giấy phép và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

7. Nhà xuất bản có trách nhiệm nộp xuất bản phẩm và tệp xuất bản phẩm điện tử cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

8. Chính phủ quy định chi tiết số lượng, thời hạn lưu giữ xuất bản phẩm nộp lưu chiểu, thời hạn cho ý kiến trước khi phát hành đối với xuất bản phẩm thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này và việc nộp xuất bản phẩm, tệp xuất bản phẩm điện tử cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

9. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế đọc, kiểm tra, thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiểu. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thù lao đối với người đọc, kiểm tra, thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiểu.

Điều 29.³⁵ (được bãi bỏ)

Điều 30. Quảng cáo trên xuất bản phẩm

1. Không được quảng cáo trên bản đồ hành chính.

2. Việc quảng cáo trên lịch blocc được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Diện tích dành cho quảng cáo không vượt quá 20% diện tích từng tờ lịch; nội dung và hình ảnh quảng cáo phải phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo;

b) Không được quảng cáo trên những tờ lịch in ngày Quốc lễ và ngày kỷ niệm lớn của đất nước.

3. Việc quảng cáo trên xuất bản phẩm không được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo.

Chương III

LĨNH VỰC IN XUẤT BẢN PHẨM

Điều 31. Hoạt động của cơ sở in xuất bản phẩm

1. Cơ sở in chỉ được in xuất bản phẩm sau khi được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

2. Cơ sở in chỉ được nhận in xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 33 của Luật này.

³⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm g khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Điều 32. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm³⁶

1. Hoạt động in xuất bản phẩm gồm các công đoạn quy định tại khoản 7 Điều 4 của Luật này được quy định như sau:

- a) Chế bản là quá trình chuẩn bị bản mẫu hoặc dữ liệu in bằng phương pháp kỹ thuật, công nghệ để tạo đầu vào phục vụ công đoạn in xuất bản phẩm;
- b) In là quá trình sử dụng thiết bị để chuyển nội dung từ bản mẫu hoặc dữ liệu in lên vật mang tin nhằm tạo thành xuất bản phẩm;
- c) Gia công sau in là quá trình thực hiện các công đoạn kỹ thuật sau khi in nhằm hoàn thiện xuất bản phẩm theo yêu cầu về hình thức, kết cấu và chất lượng.

2. Cơ sở in hoạt động theo các loại hình sau đây:

- a) Doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã;
- b) Chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình quy định tại điểm a khoản này (không bao gồm địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh); hoạt động in xuất bản phẩm phát sinh tại địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh được xác định là hoạt động do chi nhánh thực hiện;
- c) Hộ kinh doanh.

3. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được quy định như sau:

- a) Người đứng đầu cơ sở in là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;
- b) Có mặt bằng sản xuất, thiết bị để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm;
- c) Có chủ sở hữu cơ sở in là tổ chức của Việt Nam, cá nhân là công dân Việt Nam, trừ trường hợp có yếu tố nước ngoài do Chính phủ quy định.

4. Thẩm quyền cấp, cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được quy định như sau:

- a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, cấp lại giấy phép cho cơ sở in quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này trên địa bàn;
- b) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, cấp lại giấy phép cho cơ sở in quy định tại điểm c khoản 2 Điều này trên địa bàn.

5. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được cấp lại khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị mất hoặc bị hư hỏng;
- b) Có thay đổi về tên gọi, địa chỉ, chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất cơ sở in.

³⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

6. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Cơ sở in không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này trong quá trình hoạt động;
- b) Cơ sở in có thay đổi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này mà không làm thủ tục cấp lại giấy phép;
- c) Sau khi cơ sở in giải thể, phá sản, tự chấm dứt hoạt động;
- d) Không bảo đảm các giải pháp quản lý chống in nổi bản trái phép, in lậu, in giả xuất bản phẩm.

7. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

Điều 33. Thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm³⁷

1. Cơ sở in được thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm theo một trong các trường hợp sau đây:

- a) Cung cấp dịch vụ chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân;
- b) Thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm với tư cách là đối tác liên kết của nhà xuất bản;
- c) Là cơ quan, tổ chức được xuất bản tài liệu không kinh doanh theo quy định tại Điều 25 của Luật này và có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 34. In xuất khẩu xuất bản phẩm³⁸

1. Cơ sở in được chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm để xuất khẩu 100% theo đơn đặt hàng của tổ chức, cá nhân nước ngoài sau khi có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Các trường hợp in xuất khẩu xuất bản phẩm bao gồm:

- a) Cơ sở in tự đầu tư nguyên vật liệu và trực tiếp thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm;
- b) Cơ sở in tiếp nhận nguyên vật liệu từ tổ chức, cá nhân nước ngoài, sau đó trực tiếp thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm cho cơ sở in có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm quy định tại Điều 32 của Luật này trên địa bàn.

Trường hợp xuất bản phẩm in xuất khẩu có dấu hiệu vi phạm quy định tại

³⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

³⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2029.

khoản 1 Điều 10 của Luật này phải tổ chức thẩm định để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép và phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do nếu không cấp giấy phép.

4. Cơ sở in chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc in đúng nội dung, hình thức xuất bản phẩm đã được cấp giấy phép in xuất khẩu và không phải thông báo hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 36 của Luật này.

5. Xuất bản phẩm in xuất khẩu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải xuất khẩu 100%; trường hợp phát hành, sử dụng tại Việt Nam thì thực hiện nhập khẩu theo quy định tại Điều 38, Điều 39 hoặc theo quy định tại Điều 42 của Luật này.

6. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt in xuất khẩu xuất bản phẩm chịu trách nhiệm về bản quyền đối với xuất bản phẩm đặt in xuất khẩu.

7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 35. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở in xuất bản phẩm

1. Thực hiện quy định tại các điều 31, 32, 33 và các khoản 1, 2, 4, 5 Điều 34 của Luật này; lưu giữ và quản lý hồ sơ nhận in xuất bản phẩm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch³⁹.

2. Báo cáo về hoạt động in xuất bản phẩm của cơ sở in theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

3. Tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tổ chức.

4. Khi phát hiện xuất bản phẩm có nội dung vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này thì cơ sở in phải dừng việc in và báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đồng thời thông báo với nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân đặt in.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm của cơ sở in.

Chương IV

LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

Điều 36. Hoạt động phát hành xuất bản phẩm⁴⁰

1. Cơ sở phát hành hoạt động theo các loại hình sau đây:

a) Doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã;

³⁹ Cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” theo quy định tại điểm c khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

⁴⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

b) Chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình quy định tại điểm a khoản này và địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh;

c) Hộ kinh doanh.

2. Cơ sở phát hành và cá nhân phát hành xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu sau đây trong quá trình hoạt động, trừ trường hợp nhà xuất bản tự phát hành xuất bản phẩm do mình xuất bản:

a) Người đứng đầu cơ sở phát hành, cá nhân phát hành xuất bản phẩm phải thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;

b) Có địa điểm kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam; trường hợp kinh doanh trên môi trường điện tử phải tuân thủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về thương mại, thương mại điện tử, giao dịch điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện thông báo về việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm a và điểm b khoản này trước khi hoạt động, khi có thay đổi thông tin hoạt động, chấm dứt hoạt động phát hành xuất bản phẩm với Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh có trách nhiệm sau đây:

a) Bảo đảm nội dung xuất bản phẩm được phát hành không vi phạm quy định khoản 1 Điều 10 của Luật này;

b) Không được kinh doanh xuất bản phẩm thuộc loại không kinh doanh;

c) Tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động phát hành xuất bản phẩm của mình.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 37.⁴¹ (được bãi bỏ)

Điều 38. Kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm⁴²

1. Cơ sở nhập khẩu hoạt động theo các loại hình sau đây:

a) Doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã;

b) Chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình quy định tại điểm a khoản này và địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh;

c) Hộ kinh doanh.

⁴¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm g khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

⁴² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

a) Người đứng đầu cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;

b) Có địa điểm kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam; trường hợp kinh doanh trên môi trường điện tử phải tuân thủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về thương mại, thương mại điện tử, giao dịch điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Trường hợp kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm là sách, bản đồ phải có đội ngũ nhân viên đủ năng lực và có quy chế thẩm định nội dung;

d) Tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Trước khi hoạt động, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Sau khi hoàn thành việc thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được kinh doanh phát hành xuất bản phẩm do mình nhập khẩu theo quy định tại Điều 36 của Luật này.

5. Trong quá trình hoạt động, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải duy trì đầy đủ các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Trường hợp thay đổi nội dung thông tin trong thông báo hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải gửi thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để cập nhật thông tin vào hệ thống dữ liệu quản lý.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 39. Nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh⁴³

1. Việc nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh phải do cơ sở nhập khẩu hoặc cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này thực hiện.

2. Trước khi thực hiện nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải thông báo danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Sau khi thực hiện việc thông báo, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được làm thủ tục nhập khẩu xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật về hải quan, trừ trường hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu không thực hiện thủ tục nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều này.

⁴³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

3. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm có trách nhiệm thẩm định nội dung xuất bản phẩm và thông báo kết quả thẩm định, thời điểm dự kiến đưa xuất bản phẩm vào kinh doanh với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Sau khi thực hiện việc thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được đưa xuất bản phẩm vào kinh doanh, trừ trường hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu tạm dừng kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Đối với xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu không thực hiện thủ tục nhập khẩu hoặc tạm dừng kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Việc tạm nhập, tái xuất xuất bản phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan và phải thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 40. Trách nhiệm của cơ sở phát hành, cơ sở nhập khẩu và cá nhân phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh⁴⁴

1. Cơ sở phát hành và cá nhân phát hành xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ quy định tại Điều 36 của Luật này trong quá trình hoạt động;

b) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Không được tàng trữ, phát hành xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy;

d) Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về xuất bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về hoạt động xuất bản tổ chức;

đ) Dừng việc phát hành và báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp phát hiện xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này;

e) Lưu giữ, xuất trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

⁴⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

g) Khi phát hiện nội dung xuất bản phẩm trên hệ thống của mình có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, cơ sở phát hành hoạt động trên môi trường điện tử hoặc sàn thương mại điện tử phải áp dụng ngay biện pháp ngăn chặn tạm thời, thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn và chấp hành các biện pháp xử lý theo quy định của Chính phủ.

2. Cơ sở nhập khẩu và cá nhân nhập khẩu xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này trong quá trình hoạt động;

b) Thực hiện trách nhiệm quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này;

c) Tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu; lưu giữ hồ sơ, kết quả thẩm định; thông báo kết quả thẩm định và thời điểm dự kiến phát hành xuất bản phẩm; quyết định việc phát hành xuất bản phẩm nhập khẩu;

d) Lưu giữ, xuất trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giấy tờ và chấp hành các quyết định xử lý có liên quan đến hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin thông báo, kết quả thẩm định, quyết định phát hành và tính hợp pháp của xuất bản phẩm nhập khẩu. Việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu hoặc có ý kiến trong quá trình quản lý không loại trừ, thay thế hoặc làm giảm trách nhiệm của cơ sở nhập khẩu và cá nhân nhập khẩu.

Điều 41.⁴⁵ (được bãi bỏ)

Điều 42. Nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh⁴⁶

1. Xuất bản phẩm không kinh doanh được nhập khẩu trong các trường hợp sau đây:

a) Xuất bản phẩm phục vụ hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tổ chức;

b) Xuất bản phẩm là tài sản của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân được nhập khẩu để sử dụng nội bộ hoặc để sử dụng riêng;

c) Xuất bản phẩm thuộc tiêu chuẩn hành lý mang theo người của người nhập cảnh để sử dụng cho nhu cầu cá nhân;

d) Xuất bản phẩm tặng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi qua bưu điện, dịch

⁴⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm g khoản 33 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

⁴⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

vụ chuyển phát có giá trị không lớn hơn tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật;

đ) Xuất bản phẩm trao đổi, tặng cho Thư viện Quốc gia Việt Nam và các thư viện công lập phục vụ mục đích lưu trữ, học tập;

e) Xuất bản phẩm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

g) Các trường hợp nhập khẩu khác do Chính phủ quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật về hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm do mình nhập khẩu.

3. Xuất bản phẩm quy định tại khoản 1 Điều này không được kinh doanh dưới mọi hình thức.

4. Xuất bản phẩm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này sau khi sử dụng phải tái xuất; trường hợp không tái xuất phải chuyển giao cho cơ quan, tổ chức theo quy định của Chính phủ.

Trường hợp xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh sau khi sử dụng, tặng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân và trường hợp xuất bản phẩm nhập khẩu gửi qua bưu điện, dịch vụ chuyển phát có giá trị lớn hơn tiêu chuẩn miễn thuế thì thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật này.

Điều 43. Xuất khẩu xuất bản phẩm

Xuất bản phẩm đã được xuất bản và lưu hành hợp pháp tại Việt Nam được phép xuất khẩu ra nước ngoài.

Điều 44. Triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm⁴⁷

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài trước khi tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại Việt Nam phải thực hiện thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức triển lãm, hội chợ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia triển lãm, hội chợ mà thực hiện hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm phải đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

⁴⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 27 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Chương V
XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM ĐIỆN TỬ VÀ
CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUNG GIAN PHÁT HÀNH⁴⁸

Điều 45. Điều kiện, yêu cầu đối với xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử và cung cấp dịch vụ trung gian phát hành⁴⁹

1. Nhà xuất bản thực hiện xuất bản điện tử khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực về thiết bị, công nghệ, nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình xuất bản điện tử;

b) Có biện pháp kỹ thuật phù hợp với quy định của pháp luật để ngăn chặn sao chép, can thiệp bất hợp pháp vào nội dung xuất bản phẩm;

c) Có tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định của pháp luật để thực hiện xuất bản điện tử trên môi trường mạng Internet và hệ thống thông tin;

d) Trường hợp xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động thì ngoài việc tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động;

đ) Thực hiện đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trường hợp kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử của tổ chức, cá nhân khác thì phải thực hiện thông báo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

2. Cơ sở phát hành, cá nhân kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử ngoài việc tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 36 của Luật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có năng lực thiết bị, công nghệ, nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình phát hành xuất bản phẩm điện tử;

b) Có tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong trường hợp hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet và hệ thống thông tin;

c) Xuất bản phẩm điện tử được phát hành phải có nguồn gốc hợp pháp hoặc được phát hành theo quyết định phát hành của giám đốc nhà xuất bản;

d) Phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm a và điểm b khoản này trước khi thực hiện thông báo hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Cơ quan, tổ chức xuất bản và phát hành tài liệu không kinh doanh là xuất bản phẩm điện tử phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

⁴⁸ Tên Chương này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

⁴⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 29 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

a) Có năng lực thiết bị, công nghệ, nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình phát hành xuất bản phẩm điện tử;

b) Có tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” để thực hiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet và hệ thống thông tin;

c) Bảo đảm kiểm soát nội dung và phạm vi phát hành xuất bản phẩm điện tử phù hợp với mục đích không kinh doanh.

4. Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm phải tuân thủ các yêu cầu sau đây:

a) Chỉ cung cấp dịch vụ phát hành xuất bản phẩm cho nhà xuất bản và tổ chức, cá nhân đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 36 của Luật này;

b) Thiết lập cơ chế quản trị phục vụ việc ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập nội dung vi phạm pháp luật về xuất bản theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ an ninh quốc gia; thời hạn, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Chính phủ;

c) Thực hiện lưu trữ, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước và tuân thủ các quy định của pháp luật;

d) Có giải pháp công nghệ nhận dạng nội dung số phục vụ phát hiện, ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung xuất bản phẩm điện tử xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này.

6. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, việc đăng ký đối với hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử; yêu cầu, việc thông báo đối với hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử; yêu cầu đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm quy định tại Điều này.

Điều 46. Cách thức thực hiện xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử

1.⁵⁰ Tác phẩm, tài liệu xuất bản lần đầu theo phương thức xuất bản điện tử phải được xuất bản thông qua nhà xuất bản hoặc do cơ quan, tổ chức thực hiện xuất bản theo quy định tại Điều 25 của Luật này.

2. Xuất bản phẩm đã được xuất bản, in, phát hành hợp pháp được phát hành trên phương tiện điện tử.

⁵⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

3. Việc xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Việc chuyển xuất bản phẩm điện tử sang xuất bản phẩm in để phổ biến tới nhiều người phải tuân thủ các quy định của Luật này và pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 47. Kỹ thuật, công nghệ để xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử

Cơ quan, tổ chức, cá nhân xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử phải:

1. Thực hiện đúng quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước đối với xuất bản phẩm điện tử;

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, giao dịch điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 48. Nộp lưu chiếu xuất bản phẩm điện tử và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam

1. Nhà xuất bản, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh thực hiện nộp lưu chiếu xuất bản phẩm điện tử cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo quy định tại Điều 28 của Luật này và nộp xuất bản phẩm điện tử cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản chỉ được sử dụng xuất bản phẩm điện tử lưu chiếu để phục vụ công tác quản lý.

3. Thư viện Quốc gia Việt Nam lưu trữ và chỉ được sử dụng xuất bản phẩm điện tử vào việc phục vụ bạn đọc tại Thư viện Quốc gia Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử

Việc quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử thực hiện theo quy định sau đây:

1. Không được quảng cáo lẫn vào nội dung hoặc làm gián đoạn nội dung của xuất bản phẩm điện tử dưới mọi hình thức;

2. Thực hiện quy định của pháp luật về quảng cáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 50. Trách nhiệm của nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm⁵¹

1. Trách nhiệm của nhà xuất bản được quy định như sau:

⁵¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

a) Thực hiện quy định tại các điều 18, 21, 22, 23, 24, 27, 45, 46, 47, 48, 49 và 52 của Luật này;

b) Bảo đảm nội dung xuất bản phẩm điện tử được phát hành đúng với nội dung xuất bản phẩm điện tử nộp lưu chiểu; thực hiện lưu trữ, quản lý và bảo đảm khả năng truy xuất dữ liệu xuất bản phẩm điện tử phục vụ công tác quản lý nhà nước;

c) Đối với xuất bản phẩm đã được xuất bản hợp pháp chuyển sang hình thức xuất bản phẩm điện tử, việc ra quyết định xuất bản, quyết định phát hành và nộp lưu chiểu xuất bản phẩm điện tử thực hiện theo quy định của Luật này;

d) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật ngăn chặn việc can thiệp vào nội dung xuất bản phẩm hoặc gỡ bỏ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Dừng phát hành xuất bản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

e) Kiểm tra, giám sát nội dung xuất bản phẩm liên kết và thiết lập hệ thống giám sát hoạt động phát hành trên môi trường số;

g) Không được sao chép, số hóa, lưu trữ, truyền đưa, phát tán hoặc phát hành xuất bản phẩm trên môi trường điện tử, nền tảng số vi phạm quy định của pháp luật về xuất bản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm điện tử được quy định như sau:

a) Thực hiện quy định tại các điều 23, 45, 46, 47 và 49 của Luật này;

b) Thực hiện đúng nội dung bản mẫu đã được tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản ký duyệt;

c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật ngăn chặn việc can thiệp vào nội dung xuất bản phẩm hoặc gỡ bỏ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước;

d) Dừng phát hành xuất bản phẩm điện tử khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức phát hành xuất bản phẩm điện tử là tài liệu không kinh doanh được quy định như sau:

a) Thực hiện quy định tại Điều 46 của Luật này và các điểm b, c và d khoản 2 Điều này;

b) Thực hiện đúng văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phát hành xuất bản phẩm điện tử; thực hiện lưu trữ và cung cấp dữ liệu phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

4. Trách nhiệm của cá nhân kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử được quy định như sau:

a) Thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi hoạt động, chấm dứt hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử;

b) Thực hiện hoạt động kinh doanh đúng nội dung đã thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Có hóa đơn, chứng từ hoặc tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của xuất bản phẩm điện tử được kinh doanh;

d) Không kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử có nội dung vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này và xuất bản phẩm điện tử thuộc loại không kinh doanh;

đ) Xuất trình các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm c khoản này với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

e) Ngăn chặn, gỡ bỏ xuất bản phẩm điện tử có nội dung vi phạm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm điện tử tại Việt Nam được quy định như sau:

a) Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật này trong quá trình hoạt động;

b) Kiểm tra, lưu giữ và cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập xuất bản phẩm điện tử có vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Phối hợp với nhà xuất bản, cơ quan quản lý nhà nước và chủ thể có liên quan trong việc xử lý xuất bản phẩm điện tử có vi phạm.

6. Trách nhiệm của tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm, sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng cho người sử dụng tại Việt Nam được quy định như sau:

a) Lưu giữ thông tin, dữ liệu và bảo đảm khả năng xác định tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm; cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;

c) Có người đại diện theo quy định của pháp luật để tiếp nhận các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm điện tử không

nhằm mục đích kinh doanh không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này được quy định như sau:

a) Tuân thủ các quy định tại khoản 5 Điều 45 của Luật này và pháp luật về sở hữu trí tuệ, an ninh mạng, giao dịch điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Không kinh doanh xuất bản phẩm điện tử dưới mọi hình thức;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm do mình phát hành.

8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử nhằm mục đích kinh doanh được quy định như sau:

a) Trường hợp nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử chứa trong thiết bị, phương tiện hoặc vật mang tin thì thực hiện theo quy định tại các điều 38, 39 và 51 của Luật này; trường hợp chỉ nhập khẩu quyền truy cập xuất bản phẩm điện tử, tệp điện tử mang nội dung xuất bản phẩm thì thực hiện theo quy định tại Điều 51 của Luật này;

b) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tổ chức;

c) Không nhập khẩu xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy;

d) Tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu; lưu giữ hồ sơ, kết quả thẩm định; thông báo kết quả thẩm định và thời điểm dự kiến phát hành xuất bản phẩm; quyết định việc phát hành xuất bản phẩm;

đ) Lưu giữ, xuất trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giấy tờ và chấp hành các quyết định xử lý có liên quan đến hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin thông báo, kết quả thẩm định, quyết định phát hành và tính hợp pháp của xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu.

Điều 51. Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử⁵²

1. Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử được thực hiện dưới các hình thức sau đây:

a) Nhập khẩu quyền truy cập xuất bản phẩm điện tử, tệp điện tử mang nội dung xuất bản phẩm để cung cấp cho người sử dụng tại Việt Nam;

b) Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử được chứa trong thiết bị, phương tiện hoặc vật mang tin;

⁵² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 1 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

c) Các hình thức nhập khẩu khác.

2. Xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu phải có nguồn gốc hợp pháp, bảo đảm quyền khai thác hợp pháp và không có nội dung vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải bảo đảm khả năng xác định, quản lý, lưu trữ hoặc truy xuất xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu phục vụ việc thẩm định, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 52. Quy định chi tiết về xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử

Chính phủ quy định chi tiết hoạt động xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử phù hợp với từng giai đoạn phát triển công nghệ.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁵³

⁵³ Điều 31 của Luật số 35/2018/QH14, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 quy định như sau:

“Điều 31. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.”.

Điều 57 của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 57. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026, trừ quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Điều 48 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày Luật này được thông qua.

3. Điều 56 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày Luật này được thông qua đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2026, trừ quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Quy định có liên quan đến việc điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 tại Điều 56 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày Luật này được thông qua đến khi điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt nhưng không quá ngày 30 tháng 6 năm 2026.

5. Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này được thông qua.

6. Luật Quy hoạch số 21/2017/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ các quy định có liên quan tại Điều 58 của Luật này.”.

Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định về in xuất khẩu xuất bản phẩm tại khoản 21 Điều 1 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2029.

3. Quy định chuyển tiếp:

a) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa giải quyết xong thì tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp thủ tục cấp giấy phép, đăng ký được bãi bỏ hoặc thay thế bằng thông báo hoạt động thì thực hiện theo quy định của Luật này;

b) Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn ghi trên giấy phép;

c) Giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản điện tử, chứng chỉ hành nghề biên tập được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng; trường hợp quy định của Luật này có điều kiện, tiêu chuẩn khác với Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 112/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Xuất bản số 19/2012/QH13) thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải bổ sung, đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật này trong thời hạn do Chính phủ quy định nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành và thực hiện cấp lại đối với giấy phép, giấy xác nhận, chứng chỉ;

d) Văn bản, giấy xác nhận đăng ký xuất bản, giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh, giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài, văn bản, giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh, giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng cho đến khi hoàn thành nội dung hoặc hết thời hạn ghi trên giấy phép, văn bản, giấy xác nhận; việc in không có giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc in vượt quá số lượng ghi trong giấy phép bị nghiêm cấm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Luật này;

đ) Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm, giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử theo quy định của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 thì không phải thông báo hoạt động theo quy định của Luật này; trường hợp có thay đổi thông tin so với giấy phép, giấy xác nhận đã được cấp phải thực hiện thông báo về sự thay đổi theo quy định của Luật này;

e) Cơ sở phát hành, cá nhân kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử, cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm cho người sử dụng tại Việt Nam đang hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục hoạt động và phải bổ sung các yêu cầu theo quy định của Luật này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành; trường hợp cần gia hạn do Thủ tướng Chính phủ quyết định nhưng không quá 12 tháng;

g) Người được bổ nhiệm là tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nếu không đáp ứng các tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo nhà xuất bản theo quy định của Luật này thì phải bổ sung đủ tiêu chuẩn theo quy định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

h) Trường hợp thẩm quyền quản lý nhà nước được thay đổi, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, cơ quan có thẩm quyền ở trung ương và cấp tỉnh có trách nhiệm chuyển giao hồ sơ, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Luật này để tiếp tục quản lý;

i) Cơ sở in có chi nhánh được thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì cơ sở in phải đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm đối với chi nhánh và đề nghị

Điều 53. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 và thay thế Luật Xuất bản số 30/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2008/QH12.

Điều 54. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Điều, khoản được giao trong Luật.

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

CHỦ NHIỆM

Lê Quang Mạnh

cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm đối với cơ sở in trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

k) Cơ sở phát hành, cơ sở phát hành xuất bản phẩm điện tử đã được cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động mà có chi nhánh, địa điểm kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện thông báo hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh, địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh theo quy định của Luật này trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.”.